

Số: /QĐ-UBND

Son La, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 509/TTr-SNN ngày 08/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới; sửa đổi, bổ

sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường, như sau:

1. Công bố danh mục 05 thủ tục hành chính, trong đó: 04 TTHC ban hành mới (02 TTHC cấp tỉnh; 02 TTHC cấp huyện); 01 TTHC cấp xã được sửa đổi, bổ sung (Có Phụ lục I kèm theo).

2. Phê duyệt 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt đối với 05 thủ tục hành chính được công bố tại khoản 1 Điều này, trong đó: 01 quy trình đối với 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*liên thông UBND tỉnh*), 01 quy trình đối với 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, 02 quy trình đối với 02 TTHC cấp huyện, 01 quy trình đối với 01 TTHC cấp xã (Có Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ danh mục **01** thủ tục hành chính và **01** quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể:

1. Bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Trồng trọt (*Số thứ tự 01, mục IV phần C*) ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ: 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Trồng trọt (*Số thứ tự 01, mục II, phần III*) ban hành kèm theo Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

(*Có phụ lục III kèm theo*)

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (05 bản).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN;
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng.	Không	Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.
2	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	12 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng.	Không	Điều 13, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.
B	Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất trồng lúa trên địa bàn huyện	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận TN và TKQ cấp huyện	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng.	Không	Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.
2	Nộp tiền để nhà nước bổ	12 ngày (kể từ ngày	Bộ phận TN và	- Trực tiếp;	Không	Điều 13, Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất trồng lúa trên địa bàn huyện	<i>nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>	TKQ cấp huyện	- Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng.		112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.
C	Thủ tục hành chính cấp xã					
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	04 ngày (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>	Bộ phận TN và TKQ cấp xã	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng.	Không	Điều 8 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.
TỔNG: 05 TTHC						

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN;
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH

1. Tên TTHC: Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên

- Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày
- Thời hạn thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 04 ngày (giảm 20%)
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt	Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Trồng trọt	Dự thảo văn bản (<i>kèm theo Tờ trình và dự thảo văn bản</i>)	05 ngày
		Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Ý kiến xét duyệt	01 ngày
B4	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Ý kiến trình ký duyệt	01 ngày
B5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày

B6	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Bộ phận Văn thư Sở Nông nghiệp & PTNT	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình</i>)	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/2 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B9	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Trồng trọt	Văn bản phát hành (đính kèm kết quả)	1/2 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan văn bản</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				16 ngày

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Tên TTHC: Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên

- Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật: 12 ngày
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Trả lời tính đầy đủ hồ sơ (trường hợp hồ sơ hợp lệ thì bỏ qua bước này)	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Phòng Đất đai và Đo đạc bản đồ phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên được giao thụ lý	Ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo phòng duyệt nội dung	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở duyệt	Công văn trả lời đối với hồ sơ không hợp lệ	1/4 ngày
B3	Thẩm định, xác nhận diện tích đất	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Phòng Đất đai và Đo đạc bản đồ phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên được giao thụ lý	Ý kiến thẩm định	05 ngày
		Lãnh đạo phòng duyệt nội dung	Ý kiến thẩm định	01 ngày
		Lãnh đạo Sở duyệt	Bản xác nhận diện tích chuyển trồng lúa phải nộp tiền (Phụ lục số XII kèm theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP	1/2 ngày

			ngày 11/9/2024 của Chính phủ)	
B4	Xác định số tiền phải nộp	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được giao thụ lý	Ý kiến thẩm định	3,25 ngày
		Lãnh đạo phòng duyệt nội dung	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở duyệt	Bản xác nhận diện tích chuyển trồng lúa phải nộp tiền (Phụ lục số XII kèm theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ)	1/2 ngày
B5	Lưu sổ bàn giao	Phòng Đất đai và Đo đạc bản đồ	Văn bản xác nhận diện tích; xác nhận số tiền phải nộp	1/4 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La	Đính kèm kết quả	0 ngày
	Tổng thời gian thực hiện:			12 ngày

B - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**1. Tên TTHC: Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện**

- Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày
- Thời hạn thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 04 ngày (giảm 20%)
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	01 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện	Ý kiến phân công	01 ngày
B3	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt	Lãnh đạo phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố	Ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố	Dự thảo văn bản (<i>kèm theo dự thảo văn bản</i>)	07 ngày
		Lãnh đạo phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố	Ý kiến xét duyệt	01 ngày
	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố	Ý kiến trình ký duyệt	01 ngày
B4	Ký duyệt hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Ý kiến ký duyệt	03 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Nông nghiệp và	Văn bản phát hành (đính kèm)	01 ngày

		PTNT huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố	kết quả)	
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện	Đính kèm kết quả (<i>scan văn bản</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện :				16 ngày

2. Tên TTHC: Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện

- Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật: 12 ngày
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận TN và TKQ cấp huyện	Kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Trả lời tính đầy đủ hồ sơ (trường hợp hồ sơ hợp lệ thì bỏ qua bước này)	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên được giao thụ lý	Ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo phòng duyệt nội dung	Công văn trả lời đối với hồ sơ không hợp lệ	1/2 ngày
B3	Thẩm định, xác nhận diện tích đất	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Phòng Đất đai và Đo đạc bản đồ phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	3/4 ngày
		Chuyên viên được giao thụ lý	Ý kiến thẩm định	05 ngày
		Lãnh đạo phòng phê duyệt	Bản xác nhận diện tích chuyển trồng lúa phải nộp tiền (Phụ lục số XII kèm theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ)	01 ngày

B4	Xác định số tiền phải nộp	Lãnh đạo Phòng Tài chính- kế hoạch	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên được giao thụ lý	Ý kiến thẩm định	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng phê duyệt	Bản xác định số tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa(Phụ lục số XIII kèm theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ)	01 ngày
B5	Lưu sổ bàn giao	Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	Văn bản xác nhận diện tích; xác nhận số tiền phải nộp	1/4 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN và TKQ cấp huyện	Đính kèm kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				12 ngày

C - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên TTHC: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa

- Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc
- Thời hạn thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 04 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày làm việc (giảm 25%)
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ tại Ủy ban nhân dân xã	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công	Dự thảo văn bản (<i>kèm theo dự thảo văn bản</i>)	1,5 ngày
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	Ý kiến ký duyệt	1 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên được phân công	Văn bản phát hành (đính kèm kết quả)	1/2 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ tại Ủy ban nhân dân xã	Đính kèm kết quả (<i>scan văn bản</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện :				04 ngày

PHỤ LỤC III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Nội dung quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình bị bãi bỏ	Ghi chú
1	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	<p>- Công bố danh mục: Số thứ tự 01 mục IV phần C ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</p> <p>- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 01 mục II, phần III lĩnh vực trồng trọt ban hành kèm theo Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</p>	
TỔNG: 01 TTHC			